

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2018/HS-PT
Ngày: 29-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Đồng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Trịnh Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Du - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 127/2018/TLHS-PT ngày 29-10-2018 đối với bị cáo Lê Văn M do kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 69/2018/HS-ST ngày 25-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

Lê Văn M, sinh năm 1972 tại tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thôn 8, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hoá: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con con ông Lê Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ là Phan Thị T, sinh năm 1983 (bị hại trong vụ án) và có 02 người con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa: Luật sư Đinh Duy Hải – Văn phòng luật sư M Tuấn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bị hại kháng cáo: Bà Phan Thị T, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn 8, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 04-12-2017, tại vườn cà phê của bị cáo thuộc thôn 8, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo M gặp bị hại bà T và hai bên có lời nói qua lại với nhau. Lúc này, bị cáo M cầm một cái thang (*dùng để hái cà phê loại bốn chân cao 1,5m màu xám*) đuổi đánh bà T thì bà T bỏ chạy. Thấy

vậy, anh M chạy đến giằng lấy cái thang ngăn cản không cho đánh nhau nữa, trong khi đó bị cáo M và bà T tiếp tục chửi nhau to tiếng; bị cáo M nhặt một khúc cây cà phê (dài 1,2m, đầu to có đường kính 5cm, đầu nhỏ có đường kính 2cm) để đánh bà T, nên bà T bỏ chạy và bị cáo M đuổi theo. Trong lúc bỏ chạy, bà T bị vấp ngã, bị cáo M chạy đến cầm cây cà phê bằng tay phải đánh hai đến ba cái từ trên xuống trúng vào chân phải của bà T. Thấy vậy, anh M tiếp tục chạy đến ôm ngang ngực bị cáo M ngăn cản không cho đánh bà T thì bị cà phê bị cáo M đang cầm đánh trúng vào phần tai bên trái của anh M làm chảy máu. Nghe thấy ồn ào thì bà Th (chị dâu của bà T) cũng chạy đến giằng cây cà phê trên tay bị cáo M đem đi cất giấu, sau đó đến chỗ bà T ngồi, bị cáo M một tay túm tóc, một tay tát liên tiếp vào mặt bà T. Lúc này, anh M vẫn đang ôm ngang người bị cáo M, còn bà Th dùng tay đẩy bị cáo M ra không cho đánh bà T nữa.

Hậu quả làm cho bà T bị gãy 1/3 trên xương chày phải phải đi cấp cứu tại bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng, đến ngày 06-12-2017 ra viện. Tại bản kết luận số 73/2018/TgT ngày 02-4-2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận tỷ lệ thương tích của bị hại bà T là 13%, tổn thương do vật tày gây nên;

Vật chứng thu giữ: 01 khúc cây gỗ cà phê dài 1,2m, đầu to có đường kính 5cm, đầu nhỏ có đường kính 2cm.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại bà T yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thuốc, sức khỏe, tinh thần theo quy định của pháp luật cộng chung 150.000.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại bà T số tiền 30.000.000đ. Bị cáo đã tự nộp số tiền 20.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L để khắc phục hậu quả.

- Đối với Lê Quang M trong quá trình can ngăn có bị thương tích ở tai trái nhưng quá trình điều tra M đã có đơn từ chối yêu cầu giám định và tại phiên tòa M cũng không có yêu cầu gì.

Tại bản án số 69/2018/HS-ST ngày 25-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi chung của Bộ luật hình sự năm 1999); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây gọi chung Bộ luật hình sự năm 2015) để áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt Bị cáo Lê Văn M 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo M phải bồi thường cho bị hại bà T số tiền là 26.379.135đ (làm tròn số 26.379.000đ); được trừ vào số tiền 20.000.000đ bị cáo đã tự nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L để bồi thường, theo biên lai thu tiền số

06877 ngày 20-9-2018; bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại bà T số tiền 6.379.000đ.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 27-9-2018 bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo; đề giám định lại thương tích.

Ngày 05-10-2018 bị hại bà Phan Thị T kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo, tăng mức bồi thường lên 72.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo giữ nguyên kháng cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị được hưởng án treo. Ngoài ra, bị cáo trình bày giữa bị cáo và bị hại là vợ chồng, sống ly thân và chưa ly hôn, trong khi đó giữa bị cáo và bị hại thỏa thuận chia tài sản bằng văn bản (bị cáo xuất trình tài liệu này tại phiên tòa phúc thẩm) nhưng sau đó bị hại tranh chấp nên dẫn đến bị cáo đánh bị hại; đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận kháng cáo. Đối với kháng cáo về yêu cầu giám định lại thương tích, bị cáo rút kháng cáo; đồng thời bị cáo xuất trình tài liệu bồi thường số tiền còn lại theo bản án tuyên; tài liệu bị cáo bị bệnh “chất trắng não do nguyên nhân mạch máu”. Đối với kháng cáo của bị hại, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại cộng chung 50.000.000đ, trừ đi số tiền 26.379.000đ bị cáo đã nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, còn lại 23.621.000đ và xin bồi thường trực tiếp cho bị hại tại phiên tòa hôm nay.

Bị hại bà T rút kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; về kháng cáo tăng bồi thường, bị hại đồng ý bị cáo bồi thường cộng chung 50.000.000đ, trừ đi số tiền 26.379.000đ bị cáo đã nộp bồi thường tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, còn lại 23.621.000đ bị hại đã nhận tại phiên tòa hôm nay.

Người bào chữa, cho rằng bị cáo đã xuất trình tài liệu chứng cứ mới như đã bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại rút kháng cáo tăng hình phạt. Ngoài ra, giữa bị cáo và bị hại là vợ chồng, chưa ly hôn và hiện nay sống ly thân; nguyên nhân xuất phát từ việc tranh chấp tài sản. Mặt khác bị cáo kháng cáo đề nghị được hưởng án treo là có căn cứ, đề nghị Tòa chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 để cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cùng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại rút một phần kháng cáo về tăng hình phạt đối với bị cáo, nên căn cứ Điều 342 của Bộ luật tố tụng hình sự để đình chỉ đối với phần kháng cáo này của bị hại.

[2] Giữa bị cáo M và bị hại bà T là vợ chồng nhưng mâu thuẫn sống ly thân, chưa ly hôn. Bị cáo M xuất trình tài liệu thỏa thuận chia tài sản được UBND xã M xác nhận ngày 06-4-2016; sau đó giữa bị cáo, bị hại mâu thuẫn và tranh chấp về tài sản. Do vậy, vào khoảng 16 giờ ngày 04-12-2017, tại vườn cà phê của bị cáo thuộc thôn 8, xã Mê, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo M và bị hại bà T có lời nói qua lại với nhau. Bị cáo M cầm một cái thang (*dùng để hái cà phê loại bốn chân cao 1,5m màu xám*) đuổi đánh bà T thì bà T bỏ chạy, nên đã được anh M can ngăn; bị cáo M nhặt một khúc cây cà phê (*dài 1,2m, đầu to có đường kính 5cm, đầu nhỏ có đường kính 2cm*) để đánh bà T, nên bà T bỏ chạy và bị cáo M đuổi theo. Trong lúc bỏ chạy, bà T bị vấp ngã, bị cáo M chạy đến cầm cây cà phê bằng tay phải đánh hai đến ba cái từ trên xuống trúng vào chân phải của bà T. Mặc dù, anh Minh, chị Th (*chị dâu của bà T*) can ngăn, bị cáo M một tay túm tóc, một tay tát liên tiếp vào mặt bà T. Đối chiếu lời khai của các bị cáo, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, vật chứng thu giữ; kết luận giám định; Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá toàn diện chứng cứ, đã tuyên bố bị cáo M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, xin giảm nhẹ hình phạt, đối chiếu tài liệu chứng cứ thể hiện. Bị cáo thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm hại đến khách thể sức khỏe con người được pháp luật bảo vệ. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo đã “*bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo*” quy định điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, nên đã được áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định dưới khung hình phạt là thỏa đáng. Ngoài ra, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng nguyên tắc có lợi theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội để điểm đ khoản 2 Điều 134 theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình tài liệu đã bồi thường số tiền còn lại theo bản án tuyên; tài liệu bị cáo bị bệnh “*chất trắng não do nguyên nhân mạch máu*”, đồng thời thỏa thuận bồi thường theo yêu cầu của bị hại và thực hiện ngay bồi thường số tiền 23.621.000đ tại phiên tòa phúc thẩm, thể hiện bị cáo thật sự ăn năn hối cải theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định Điều 52 của Bộ luật hình sự, trong khi đó bị cáo được hưởng ba tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do vậy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình, không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là có căn cứ.

[4] Đối với kháng cáo của bị hại về bồi thường thiệt hại; giữa bị cáo và bị hại thỏa thuận bị cáo bồi thường cho bị hại chị T cộng chung 50.000.000đ, đã bồi thường trước khi xét xử 26.379.000đ nộp bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, còn lại 23.621.000đ bị hại đã nhận số tiền này do bị cáo bồi thường tại phiên tòa hôm nay. Như vậy bị cáo đã bồi thường xong, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại bà T thực hiện quyền yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà thi hành bản án chỉ trả cho bị hại bà Tuyến số tiền 26.379.000đ theo thủ tục chung.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 342, điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị hại; sửa bản án sơ thẩm; Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn M phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; Áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Lê Văn M 18 (*mười tám*) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn M cho Ủy ban nhân dân Mê, huyện L, tỉnh Lâm Đồng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo M phải bồi thường cho bị hại bà T số tiền là 50.000.000đ; bị cáo đã bồi thường số tiền 23.621.000đ tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo đã tự nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L số tiền 26.379.000đ, theo các biên lai thu tiền số 06877 ngày 20-9-2018; biên lai thu tiền số 06894 ngày 28-11-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo **Lê Văn M không** phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Cơ quan CSĐT CA huyện L;
- Cơ quan THAHS CA huyện L;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Kim Đồng